

# CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA NAM THÀNH LẠC DƯƠNG

## QUYỂN 3

### 1. CHÙA CẢNH MINH

Chùa Cảnh Minh do Tuyên Võ Hoàng đế (Nguyên Khác 500-516) tạo dựng. Chùa xây dựng trong niên hiệu Cảnh Minh (500-504) thời Bắc Ngụy, nhân đó mà đặt tên chùa như vậy. Chùa ở tại phía Đông Ngự đạo cách 1 dặm ngoài Tuyên dương môn. Bốn phía chùa ấy thoáng rộng 500 bộ, phía trước trông nhìn đến Tung sơn Thiếu thất tức đeo mang Đế thành, rừng xanh rủ bóng, nước biếc gợn văn, hình đất ưu thắng thoáng cao riêng đẹp, núi treo đài nhà sáng rỡ quán điện lớn hơn ngàn gian, giao thông đối mái. Đài xanh các tía, đường nổi cùng thông nhau. Bên ngoài tuy có thời tiết 4 mùa mà bên trong không có lạnh nắng. Phía ngoài mái phòng đều là núi ao trúc tùng lan chỉ rủ bày thêm tường ngậm gió vây sương, tỏa hương phảng phất.

Đến trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, Thái hậu mới tạo một ngôi phù đồ cao 7 tầng, cao cách đất trăm nhận. Do đó, trong văn bia, Hình Tứ Tài ghi rằng: “Cúi nghe sét đánh bên cạnh gần như sao băng” ấy vậy. Trang sức hoa lệ ngang đồng như chùa Vĩnh Ninh, mâm vàng khánh báu sáng rực vượt ngoài mây. Chùa có 3 cái ao. Cỏ lau ngó sen cỏ ấy các vật nước sống, hoặc mình vàng vảy tía vào ra giữa rong phủ, hoặc le xanh hạc trắng nổi chìm trong nước biếc, cối giã sần rây đều dùng bằng sức nước. Mọi sự tối diệu của chùa rất được xứng hàng đầu. Mọi người muốn tu tạo phước đức ở thời bấy giờ cứ vào ngày mồng 07 tháng 04 hàng năm, các tôn tượng ở trong chốn kinh thành đều nghinh đưa đến chùa đó. Thương Thư Tư Bộ Tào ghi tính có hơn ngàn tôn tượng, qua ngày mồng 08 lần lượt nghinh đưa vào Tuyên dương môn, đến trước cung Lư Hạp nhận sự tung rải hoa của Hoàng đế. Khi ấy hoa vàng sáng rực trời, lọng báu nổi giữa mây, phan phướn như rừng khói hương sương móc, pháp âm phạm nhạc om sòm động cả đất

trời. Trăm thứ vui đùa của Đàng Tương, Ở đây đều sánh kịp. Các bậc danh Tăng đức chúng mang tích đến thành đoàn, các hàng tín đồ pháp lữ mang hoa cúng thành rừng, xe cưỡi đầy nghẹt, gièm trải cùng cả khoảnh. Bấy giờ có vị Sa-môn người Hồ ở Tây Vực thấy thế, xưng gọi là côi nước Phật.

Đến trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, mới ban sắc Quốc Tử Tế Tửu Hình Tử Tài viết thuật văn bia chùa. Hình Tử Tài người xứ Hà Gian, chí tánh thông minh, phong tình nhã đượm, dưới màn sâu rộng, ôn cũ biết mới. Nói Học Phủ Văn Tông đạ Ban Mã mà riêng lên, khuôn phép Anh Thắng vượt Hứa Quách mà riêng cao. Do đó mà các bậc tài sĩ áo mào chen nhau đến cửa, những khách mến đạ qua lại đầy phòng nhà. Lên đến phòng nhà ấy như đến cửa nhà họ Khổng. Đượm sự tưởng thưởng ấy như nghe câu của Đông Ngô, có tiếng ở đương thời. Tiếng tâm vang vọng xa gần. Khoảng cuối nhiếp hóa Chánh Quang (525) thời Bắc Ngụy, vì Thế Tông làm Vãng lang phụng triều thỉnh, sau đó tiến cử Trung Thư Thị Lang Hoàng Môn. Hình Tử Tài hợp nghe rộng thấy, không gì chẳng thông. Mọi việc quân quốc chế độ không gì chẳng phỏng hỏi. Kịp đến lúc Vương thất không yên tĩnh, Hồ môn phế nghiệp, lại chuyển sang Quốc tử tế tửu mô huấn thượng tướng. Hình Tử Tài phạt kẻ biếng nhác thưởng người chuyên cần, chuyên tâm khuyến dụ, môn sinh học trò đua nhau ôm hoài nhã thuật, phong hóa của Chu Tứ từ đó trở lại hưng thịnh. Đến cuối niên hiệu Vĩnh Huy (534) thời Bắc Ngụy, vì mẹ già nên cáo từ, vua Hiếu Võ Đế (Nguyên Tu) không chấp thuận, Hình Tử Tài lăm phen khẩn thiết cầu xin, nói năng đổ rơi theo dòng lệ, vua mới chấp thuận đó và ban sắc chiếu là Quan lục đại phu, về nuôi dưỡng tại nhà riêng nơi quê cũ, có 5 người cấp giúp mọi việc. Mỗi năm có một lần châu để đủ đầy đoái hoài han hỏi. Các vương hầu tổ đạ đưa hai văn sớ như Hán Triều, kịp đến lúc triều đình dời đò đến đất nghiệp, dân chúng kiện tụng lăm nhiều, trước cách đổi, sau chiếu gọi, tự cùng nhau đồng cướp đoạt, pháp lại nghi ngục, sổ bộ lãnh chất thành núi, vua mới ban sắc dời Hình Tử Tài cùng Tán Kỵ Thượng Thị Niết Tử Thăng soạn viết bộ “Lân Chỉ Tân Chế” gồm 15 chương, các tỉnh phủ lấy đó để quyết nghị các châu quận dùng đó làm tự bản. Đến trong niên hiệu Võ Định (543-550) thời Đông Ngụy, trừ Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Tây Duyên Châu Thứ Sử, làm cho nền quốc chánh bình lặng. Lại dân an ổn. Về sau trưng nên làm Trung thư lệnh. Bấy giờ binh ngựa nơi bang giao, triều đình lăm sự, Quốc lễ triều nghi đều từ Hình Tử Tài ban xuất. Hình Tử Tài trước thuật chế - văn, thư, phú, chiếu, sách, chương, biểu, đạ,

tụng, tán ky v.v... có đến 500 chương đều lưu truyền nơi đời. Các nước láng giềng đều khâm trọng khuôn phép ấy, từ triều đình đến thôn đều lấy làm đàm tán tốt lành vậy.

## **2. CHÙA ĐẠI THỐNG**

Chùa Đại Thống ở phía Tây chùa Cảnh Minh, đó còn gọi là chùa làng Lợi Dân. Ở phía Nam có vườn nhà của Tam Công Lệnh Sử Cao Hiển Lược. Thường đêm thấy có ánh sáng sắc đỏ đi đến trước nhà, như thế không chỉ một lần, bèn tìm theo hướng ánh sáng đó đào bởi xuống đất sâu hơn một trượng có được trăm căn vàng ròng và có bài minh khắc ghi rằng: “Đó là vàng của gia đình Tô Tần, nếu người nào gặp được thì nên vì tôi mà tu tạo công đức”. Cao Hiển Lược bèn tạo dựng chùa Chiêu Phước. Có người nói xứ đó là nơi vườn nhà xưa trước của Tô Tần. Bấy giờ Nguyên Nghĩa đang cầm nắm chính quyền, nghe có được số vàng ấy bèn đến nhà Cao Hiển Lược đòi lấy. Cao Hiển Lược giao cho 25 cân. Theo sự cứu xét của Diễn Chi thì vào thời của Tô Tần chưa có Phật pháp nên nói Phật pháp nên nói công đức chưa hẳn là tạo dựng chùa chiền. Ứng theo đó tạo lập bia minh ca tụng vết tích tiếng tam ấy vậy.

## **3. HAI NGÔI CHÙA THÁI THƯỢNG CÔNG**

Từ chùa Cảnh Minh về phía Nam cách khoảng 1 dặm có chùa Tây, do Thái hậu tạo lập và chùa Đông do Hoàng Di tạo lập. Đều vì thân phụ mà tu tạo phước đức, nhân đó mà đều gọi là chùa Thái Thượng Công. Người thời bấy giờ gọi là chùa 2 người con gái, và đều gần Lạc Thủy. Cây rừng trải rộng lá cành rủ che. Mỗi chùa đều có một ngôi Phú đồ nằm tầng cao 50 trượng, chạm trổ khắc họa sánh tợ chùa Cảnh Minh. Vào 6 ngày trai thường có một người trong Hoàng môn đến trông xem Tăng xá, cúng dường mọi thứ không đâu sánh bằng. Ở phía Đông chùa có một Linh đài, nền móng tuy đã đổ nát mà còn cao hơn 5 trượng, do Quang Võ Đế (Lưu Tú 25-56) thời Đông Hán tạo lập. Phía Đông Linh đài lại có Tịch ung, do Ngụy Võ (?) dựng lập. Đến trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, tạo dựng minh đường tại phía Tây Nam của Tịch Ung, trên tròn dưới không, có 8 cửa sổ và 4 cửa nách. Nhữ Nam Vương lại tạo một ngôi Phù đồ bằng gạch ở trên Linh đài, khoảng đầu niên hiệu Hiếu Xương (525) thời Bắc Ngụy, yêu giặc nổi loạn xâm chiếm bốn phương các châu quận mất nơi chiếm cứ, Triều đình lại thiết bày chiêu mộ chinh chiến, chánh tại phía Bắc đường. Mọi

người theo lính, báỉ thuận khoáng dịch tướng quân, Thiên tướng quân, Bì tướng quân. Các hàng quan sĩ áo giáp mũ trụ ở đương thời xưng gọi đó là Quân đội của Minh đường. Bấy giờ, Hồ Phần lạc Tử Uyên tự nói là vốn người xứ Lạc Dương. Xưa kia trong khoảng niên hiệu Hiếu Xương (525-528) thời Bắc Ngụy, đi lính ở Bành Thành. Có người đồng doanh trại tên là Phiền Nguyên Bảo được tạm về nhà ở kinh đô. Lạc Tử Uyên gửi một lá thư về nhà và nói là “vườn nhà tại phía Nam Linh đài”, gần Lạc thủy. Ông chỉ đến đó sẽ có người nhà tự ra tiếp đón nhận”. Nguyên Bảo y theo lời đó, đi đến phía Nam Linh đài, trợn không có người nào để hỏi nhà, chần chừ sắp muốn đi, bỗng thấy một cụ già đi lại hỏi: “Từ đâu đến mà bàng hoàng như thế? Khi ấy Nguyên Bảo tỏ bày cụ thể sự việc. Cụ già ấy bèn nói: “Tử Uyên là con của tôi vậy”. Và nhận lấy thư. Vẫn đưa Nguyên Bảo đi vào. Bỗng thấy quán các cao thoáng, phòng nhà đẹp xinh, cụ già gọi kẻ tớ đưa rượu ra, phút chốc bỗng thấy kẻ tớ ân bồng một trẻ con bị chết đi ngang qua. Mới đầu, Nguyên Bảo rất lấy làm quái lạ, bỗng chốc lại thấy rượu đưa đến sắc màu hồng mùi vị thơm ngon khác thường, lại thiết bày các thức ăn ngon lành khác lạ đủ các món của đất liền và biển cả. Ăn uống xong, giả từ ra đi. Ông cụ già ấy tiễn đưa Nguyên Bảo đi ra mà bảo rằng: “Về sau khó có kỳ hạn gặp lại, rất lấy làm buồn xót”. Cách biệt ân cần xong, cụ già trở vào lại. Bỗng nhiên, Nguyên Bảo không thấy cửa nhà ấy nữa, chỉ thấy bờ cây nước biếc gợn sóng về hướng Đông. Và chỉ thấy có một đứa trẻ tuổi khoảng 15 vừa mới bị chết đuối, trong mũi còn trào máu. Mới biết rượu uống hồi nãy là máu ấy vậy. Và khi trở lại Bành thành thì Tử Uyên cũng đã biến mất. Nguyên Bảo cùng Tử Uyên đồng ở lính 3 năm, ma không biết đó là Thần của Lạc thủy vậy.

#### **4. CHÙA BẢO ĐỨC**

Chùa Bảo Đức do Hiếu Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập, là vì Phùng Thái hậu mà tu tạo phước đức vậy. Chùa ở tại Ngự đạo Khai dương môn, cách 3 dặm ngoài Khai dương môn, phía Đông có Hán Quốc tử học đường. Trước học đường có bản kinh bằng đá khắc ghi 3 thứ chữ, và 25 văn bia khắc viết cả trong ngoài, ghi tả 2 bộ Xuân Thu Thượng Thư, làm bằng ba thứ chữ Triện khoa, dấu, lệ. Là di tích nét bút của Hữu Bộ Thị Lang Thái Ung hiện còn 18 văn bia ngoài ra đều bị hư hoại. Lại có 48 bản bia đá trong ngoài ghi tả 4 bộ chu dịch Thượng Thư Công Dương Lễ ký theo lối chữ Lệ. Lại có một văn bia đọc sách đều tại trước học đường. vua Văn Đế (?) thời

nhà Ngụy làm 6 văn bia điển luận. Đến năm Thái Hòa thứ 17 (493) thời Bắc Ngụy hiện còn 4 văn bia. Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn) đề tên đó là làng Khuyến Học. Trong làng đó có 3 ngôi chùa Đại Giác, Tam bảo và Ninh Viễn. Đến năm Võ Định thứ 4 (546) thời Đông Ngụy, Đại tướng quân dời bản kinh Đà đến Dĩnh, chung quanh có vườn là nơi phát xuất các thứ cây ngon lạ, có Lê Đại Cốc, trái nài của Thừa Quang. Tại chùa Thừa Quang cũng có nhiều cây trái, mùi vị trái nài rất ngon lành chiếm ưu thế tỏa khắp kinh đô. Phía Đông làng Khuyến Học có làng diên Hiền. Trong làng đó có chùa Chánh giác do Thượng Thư Lệnh Vương Túc tạo lập. Vương Túc tự là Cung Ý; người xứ, là con của Ung Châu Thứ Sử Hoán ở thời Ngụy Tề, rất tinh thông về Chiêm học, tài biện văn từ hay khéo, làm bí thư thừa ở thời nhà Tề, đến năm Thái Hòa thứ 18 (494) thời Bắc Ngụy, phản nghịch lại quy thuận theo Nguyên Ngụy. Bấy giờ Cao Tổ (Thác Bạt Hoàn) vừa mới xây dựng Lạc Ấp, có nhiều việc chế tạo, Vương Túc rộng hiểu biết mọi việc xưa cũ có nhiều bổ ích, vua Cao Tổ rất mến trọng đó, thường kêu gọi là tên là Vương Sinh Diên Hiền, nhân đó mà Vương Túc lập tên làng như vậy. Ngày ở tại đất phương Nam, Vương Túc lấy con gái nhà họ Tạ làm vợ. Khi đến kinh đô lại mến chuộng công chúa, con gái họ Tạ làm bài thơ Ngũ ngôn để tặng Vương Túc, ghi rằng:

*“Xưa lam tầm trên ni  
Nay là tơ trên máy  
Được đường đuổi đi thẳng  
Nhớ thời buộc tơ chăng?”*

Công chúa bèn thay Vương Túc đáp lại con gái họ Tạ rằng:

*“Kim là vật xoắn chỉ  
Trong mắt thường có tơ  
Được lụa may mới đi  
Sao hay nhận xưa cũ”.*

Vương Túc tỏ vẻ rất thẹn với con gái họ Tạ, bèn tạo dựng chùa Chánh giác để ở nghỉ. Vương Túc nhớ ngày trước thân phụ mắc họa phi lý nên thường có ý báo sớ của Tử Tư, nên trọn đời mặc y phục sắc trắng, không nghe âm nhạc. Người thời bấy giờ vì vậy mà kính xưng. Khi mới vào xứ Nguyên Ngụy (Lạc Dương), Vương Túc không ăn thịt dê và các vật Tô Lạc, tương v.v... thường ăn cơm với canh cá giếc, khát thì uống nước noãn chè. Các hàng sĩ tử ở kinh đô nói: “Mỗi lần Vương Túc uống nước hết một hộc, nên gọi ông là Lậu Chi (chén nước tràn). Qua sau vài năm, Vương Túc cùng Cao Tổ (Thác Bạt Hoàn) dự hội nơi điện, ăn

thịt dê cháo lạc rất nhiều, Cao Tổ lấy làm quái lạ, bèn hỏi Vương Túc rằng: “Khanh cảm thấy mùi vị tại Trung Quốc đây thì thịt dê so với canh cá như thế nào? Uống nước noãn che so với nước sữa lạc như thế nào?” Vương Túc đáp rằng: “Dê là sản vật ưu tối của đất liền, cá là vật dài lâu của loài thủy tộc, về sự ngon lành thì có khác nhau nhưng mỗi mỗi đều được là ngon lành cả. Nếu lấy mùi vị để nói thì có sự rất hơn kém. Ví như dê sánh với bang lớn Tề Lỗ, cá sánh với nước nhỏ Chu Cử. Chỉ có noãn chè chẳng trung, cùng với Lạc làm nô”. Cao Tổ cười lớn, nhân đó nâng chén rượu lên nói rằng: “Ba ba hoành, hai hai tung, ai có thể biện đối được đó thì ban thưởng cho chung vàng”. Khi ấy, ngự sử Trung Thừa Lý Bưu nói rằng: “Bà già bán rượu vò rót bình, trẻ con giết thịt cùng cân đồng”. Thượng Thư Hữu Thừa Chân Sâm nói rằng: “Người Ngô nổi trên nước tự đi, trẻ con công kỹ ném dây giữa không trung”. Vương Hiệp ở Bành thành nói: “Thần mới hiểu đó là chữ “Tập”. Cao Tổ liền đem chung vàng tặng cho Lý Bưu, cả triều đình đều đơm nhuần Lý Bưu thật là người thông minh có trí. Chân sâm hòa theo đó cũng nhanh chóng. Vương Hiệp nói cùng Vương Túc rằng: “Ông chẳng trọng nước lớn Tề Lỗ, mà lại mến nước nhỏ Chu Cử”. Vương Túc đáp rằng: “Ông quanh co sự tốt đẹp, không thể chẳng tốt đẹp”. Vương Hiệp lại nói rằng: “Ngày mai tới nhà tôi, tôi sẽ vì ông mà thiết bày thức ăn của Chu Cử, cũng có Lạc nô”. Nhân đó mà lại gọi uống noãn chè là Lạc nô. Khi ấy, cấp sự nhân Lưu Hạo mến mộ phong hóa của Vương Túc, chuyên tập uống noãn chè. Vương Hiệp nói cùng Lưu Hạo rằng: “Ông không ưa thích bát trân của Vương hầu mà lại mến thích thủy ách ở đầu biển. Tại Hải thượng có chồng của Xú Toại, trong làng có vợ của Học Tần, vì ông nói đó tức là ấy vậy”. Nhà của Vương Hiệp có Ngô nô, vì lời nói ấy mà cười vậy. Từ đó mỗi lúc triều quy bày yến hội, tuy có thiết nước noãn chè nhưng mọi người đều hổ thẹn chẳng chịu uống. Chỉ có hạng dân nghèo tiện ở Giang Biểu từ xa lại hàng phục ưa thích uống. Về sau, con của Tiêu Diễn là Tây Phong Hầu Tiêu Chánh Đức quy hàng. Khi ấy Nguyên Nghĩa vì đó mà thiết đãi uống nước noãn chè. Trước tiên hỏi rằng: “Ông ở tại Thủy ách được bao lâu?” Chánh Đức không hiểu ý Nguyên Nghĩa bèn đáp rằng: “Hạ quan sinh tại thủy hương mà từ khi lập thân trở lại nay chưa từng gặp nạn của Dương Hầu”. Nguyên Nghĩa cùng tất cả khách trong Hội đều cười lớn vậy.

## **5. CHÙA LONG HOA**

Chùa Long Hoa do Quảng Lăng Vương dựng lập. Chùa Truy

Phước do Bắc Hải Vương dựng lập, đều ở tại phía Đông chùa Bảo Đức. Mọi Pháp sự Tăng phòng đều sánh như chùa Tần Thái Thượng Công. Ở kinh đô, các chùa đều trong cây trái đủ thứ nhưng ở vườn rừng ba chùa này rất tươi tốt không đâu sánh bằng.

Cách bốn dặm ngoài Tuyên dương môn đến Lạc thủy thượng làm cầu nổi, chỗ gọi là Vĩnh Kiều. Trong niên hiệu Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, Thường Cảnh làm Cẩn Minh, ngôn từ viết rằng:

*“Mênh mông sông lớn  
Khơi thoáng dòng trong  
Dẫn nguồn Hùng nhĩ  
Ngăn dòng gạch lớn  
Nhận cốc thổ y  
Suốt cùng hào ngâm  
Gần đến Hà tông  
Xa châu hải nhĩ  
Điền chỉ lạc thực  
Thật đồng Trung Hoa  
Trên ánh Trương liễu  
Dưới tựa Hà Tung  
Lạnh nóng thừa hợp  
Nhật nguyệt chuyển dung  
Đời vua tỏa sáng  
Miệng bút hạ phong  
Trước gần Thiếu thất  
Tức mang Thái hành  
Chế đánh Đông áp  
Cao vọi Tây cương  
Đất bốn mặt hiếm  
Trang cửa sáu đạt  
Nương đức thì bền  
Thất đạo thì mất  
Rõ xem xưa bày  
Xét thấy khâu phần  
Mới soán mới đổi  
Hoặc chất hoặc văn  
Khấp hơn chín lệ  
Ba phần cuối Hán  
Phong Ngụy suy sau*

Đất Tấn khắc xông  
 Trời đất phát huy  
 Đồ thư nhận mạng  
 Vận vua có cùng  
 Công thần chẳng tranh  
 Ngụy lục trông trời  
 Huyền phù nắm kiếng  
 Ấn vận Hội Xương  
 Long Đồ nhận mạng  
 Mới nhìn sách luật  
 Ôm hoài Bảo Định  
 Bày vết cảnh đây  
 Truyền khuôn đẹp lớn  
 Tiếp áo mào ta  
 Chính chất thân ta  
 Nước đất cùng hợp  
 Chu Trịnh cùng thông  
 Bèn khắc Lạc nhướ  
 Báo cùng Trung kha”.

Hai bờ Nam-bắc có Hoa biểu cao 20 trượng, trên Hoa Biểu làm phụng Hoàng, thế tựa như xung thiên, từ Vĩnh Kiều trở về hướng Nam, và từ Viên Khâu trở về phía Bắc, khoảng giữa ấy là Y Lục, cặp theo Ngự đạo có bốn Di Quán. Đường phía Đông có 4 Quán, tức một là Quy Chánh, hai là Quy Đức, ba là Mộ Hoa, bốn là Mộ Nghĩa. Người Ngô đến Trung Hoa thì sắp đặt ở Kim Lăng Quán, ba năm trở về sau ban cấp vườn nhà ở làng Quy Chánh, khoảng đầu niên hiệu Cảnh Minh (500) thời Bắc Ngụy, Tấn An Vương Tiêu Bảo Di Thụy Ngụy Tề đến hàng phục, được phong là Cối Kê Công vì tạo lập vườn nhà ở làng Quy Chánh. Về sau Tăng chức tước làm Tề Vương, chuộng Nam Dương Trưởng công chúa. Tiêu Bảo Di xấu hổ vì xếp đồng hàng như người Di, nên khiến công chúa tâu bày cùng Thế Tông (Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác). Thế Tông cũng chấp thuận cho đó mà ban cấp vườn nhà ở làng Vĩnh An. Trong năm Chánh Quang thứ 4 (523) thời Bắc Ngụy, con của Tiêu Diễn là Tây Phong Hầu Tiêu Chánh Đức đến hàng phục, được xếp đặt ở Kim Lăng quán, vì tạo lập vườn nhà ở làng Quy Chánh. Tiêu Chánh Đức xả thí vườn nhà tạo dựng chùa Quy Chánh. Mọi người ở Bắc Di đến nương gá, được xếp đặt ở Yến Nhiên quán, ba năm trở về sau, ban cấp vườn nhà ở làng Quy Chánh. Năm Chánh Quang thứ nhất



(520) thời Bắc Ngụy, người Nhuyễn Nhuyễn đến kinh đô, Cửu Lư Ban Hoàng đến triều châu, Quan chấp sự chẳng biết họ là người xứ nào. Trung Thư Xá Nhân Thường Cảnh bàn nghị rằng: “Trong niên hiệu Hàm Ninh (275-280) thời Tây Tấn, Đôn Vu đến triều, đời nhà Tấn xếp đặt họ ở dưới Vương Công đặc tẩn, nên có thể ban cho Ban Hoàng ở giữa khoảng Phiên Vương Nghi Đồng”. Triều đình bèn theo sự bàn nghị ấy, lại xếp đặt ở yến Nhiên quán, ban cấp vườn nhà ở làng Quy Đức. Bắc Di Tù trưởng sai con vào hầu, thường là mùa thu đến mùa xuân đi, lánh sự nắng nóng ở Trung Quốc, nên người thời bấy giờ gọi đó là Nhạn thần. Người Đông Di đến nướng nấu, được xếp đặt ở làng Phù Tang, ban cấp vườn nhà ở làng Mộ Hóa. Người Tây Di đến nướng nấu được xếp đặt ở Yên Tư quán, ban cấp vườn nhà ở làng Mộ Nghĩa. Mọi người từ Thông Lãnh trở về hướng Tây đến xứ Đại Tần, trăm nước ngàn thành không ai chẳng mừng vui đến nướng nấu. Khách thương buôn bán ngày một đua nhau đến dưới tái (bờ cõi), chỗ có nghĩa là khắp khu vực của đất trời đã mền mộ thổ phong của Trung Hoa vậy, nhân đó mà vườn nhà lắm nhiều không thể xiết kể, vì vậy dân chúng đến nướng nấu phong hóa có hơn vạn nhà, cửa hẹp sửa sang, xóm làng khắp đây. Hòe xanh che rủ bóng lối đường, cây biếc tỏa sân. Mọi vật khó có được trong thiên hạ, tại xứ đó thấy đều có. Riêng lập chợ ở phía Nam Lạc Thủy, gọi là chợ Tứ Thông, trong dân gian gọi đó là chợ Vĩnh Kiều. Cá ở Y Lạc phần nhiều bán tại chợ ấy. Các hàng sĩ thứ cần có nem thái thì đến đó mua lấy, mùi vị các rất ngon. Người ở chốn kinh đô nói: “Cá chép cá mè ở y lục quý sinh như thịt trâu thịt dê”. Phía Đông đường phía Nam Vĩnh Kiều có hai phưởng bạch Tượng và Sư Tử. Bạch Tượng là do vua người Hồ ở nước Kiên-đà-la hiến tặng ở năm Vĩnh Bình thứ 2 (509) thời Bắc Ngụy và tặng Bình Phong 5 sắc, tòa 7 báu, sàng cốc vài người, thật là vật báu lạ, thưởng nuôi dưỡng voi (bạch tượng) tạ chuồng Thừa hoàng. Voi luôn phá hoại phòng nhà làm đổ nát tường vách, tuông chạy ra ngoài, gập cây liền nhổ, gập tường vách cũng xô ngã đổ. Dân chúng kinh sợ đua nhau chạy tránh, Thái hậu bèn dời voi đến ở phưởng ấy. Còn sư tử do vua người Hồ ở nước Ba Tư dâng tặng, làm giặc nghịch phản Vạn Hâu Xú Nô bắt được, lưu giữ trong quân giặc. Đến cuối niên hiệu Vĩnh An (530) thời Bắc Ngụy, Xú Nô phá diệt mới tới được kinh đô. vua Trang Đế (Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du) nói cùng Thị Trung Lý Hoặc rằng: “Trẫm nghe hồ thấy sư tử hẳn liền nép phục, nên tìm kiếm để thử xem”. Bèn ban chiếu ở các quận huyện gần núi săn bắt hổ đưa đến. Cùng huyện Sơn Dương cùng đưa đến một con hổ hai con báo.

vua đến Hoa lâm viên mà trông xem đó. Khi ấy, hổ và báo vừa thấy sư tử thấy đều liền nhắm mắt không dám ngửa mặt trông nhìn. Trong Hoa lâm viên vốn có nuôi một con gấu tánh rất thuần. vua bảo đem đến thử xem. Người Ngô dẫn con gấu nuôi ấy đến, vừa nghe hơi sư tử, gấn bèn kinh sợ nhảy vọt, vượt khóa mà chạy. vua Hiếu Trang Đế cười lớn. Đến năm Phổ Thái thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy, Quảng Lăng Vương (Tiết Mỗ đế - Nguyên Cung) lên ngôi, ban sắc chiếu rằng: “Với loài cầm thú mà giam giữ nó tức là trái với tánh của nó, nên phóng thả nó về lại núi rừng. Sư tử cũng nên đưa nó trở về với đất nước xưa cũ”. Người dẫn đưa sư tử, vì đường đến nước Ba Tư quá xa không thể đưa đến, nên mới nửa đường mà giết hại sư tử rồi trở về. Quan Hữu ty buộc hạch xét tội cho là trái với chỉ luận. Quảng Lăng Vương bảo: “Đâu nêu vì sư tử mà buộc tội người vậy”. Bèn tha cho kẻ ấy.

## 6. CHÙA BỒ ĐỀ

Chùa Bồ-đề do người Hồ ở Tây Vực tạo lập tại làng Mộ Nghĩa. Sa-môn Đạt-đa khai phát phần mộ lấy gạch, bèn có người nên tấu trình, khi ấy Thái hậu cùng vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy đang ở tại Hoa lâm đô đường, lấy làm quái dị, bèn hỏi cùng Hoàng Môn Thị Lang Từ Hột rằng: “Từ xưa đến nay đã có việc như vậy chẳng?” Từ Hột đáp rằng: “Xưa kia vào thời Tiền Ngụy, khai phát phần mộ có được con rể của Hoắc Quang là Phạm Minh Hữu. Đưa tở ở trong nhà nói triều đình nhà Hán hẳn bị phế lập. Cùng với sử sách rất phù hợp, nay đây chẳng có gì phải lấy làm lạ”. Thái hậu bảo từ Hột hỏi tên họ người chết ấy, từ lúc chết đến nay đã bao nhiêu năm? Và thường ăn uống vật gì? Người chết ấy đáp: “Thân vốn dòng họ Thôi, tên là Hàm, tự là Tử Hồng, người xứ an Bình; Bắc Lăng. Cha tên là Sương, mẹ dòng họ Ngụy, nhà ở tại Phụ Tài phía Tây thành. Lúc chết vừa 15 tuổi, đến nay là 27 tuổi, ở trong lòng đất đã 12 năm, thường tợ như say nằm chẳng ăn uống gì. Có lúc lại du hành, hoặc gặp cơm ăn, tợ như trong mộng, chẳng thể nêu bày rõ ràng”. Thái hậu sai phái môn hạ Lục Sự Trương Tú Huệ đến làng Phụ Tài phỏng hỏi về cha mẹ của Hàm, quả nhiên có được ông Thôi Sương và người vợ là dòng họ Ngụy. Trương Tú Huệ hỏi Thôi Sương rằng: “Ông có đứa con đã chết ư?” Thôi Sương đáp: “Có đứa con tên là Hàm đã chết lúc 15 tuổi”. Trương Tú Huệ nói: “Có người khai phát phần mộ, ngày nay nó sống lại, hiện ở trong Hoa lâm viên. Người chủ cố sai tôi đến đây cùng phỏng hỏi”. Nghe thế, Thôi Sương kinh sợ nói: “Thật tôi không có đứa con ấy. Người bảo đến đây nói sai

lầm vậy”. Trương Tú Huệ trở về nói lại đầy đủ việc ấy cùng Thái hậu. Thái hậu sai Trương Tú Huệ dẫn đưa Thôi Hàm trở về lại nhà. Thôi Sướng nghe Thôi Hàm đến trước cửa, bèn nổi lửa, tay nắm dao, còn vợ cầm lấy càn đao, bảo rằng: “Người chẳng cần phải lại đây. Ta chẳng phải là cha của người, người chẳng phải là con của ta, hãy gấp gấp đi nhanh, không được làm hại”. Thôi Hàm bèn xoay bỏ đi đến nương nấu nơi chốn kinh đô, thường ngủ qua đêm dưới cổng chùa. Nhữ Nam Vương tặng cho chiếc áo sắc vàng và một ngọc cụ. Tánh Thôi Hàm lo sợ ban ngày, chẳng dám ngửa mặt trông nhìn, lại sợ nước lửa và đao binh, thường chạy đến giữa đường, gặp sóng thì dừng, chẳng đi chậm rãi. Người thời bấy giờ cho đó là Quỷ. Phía Bắc chợ lớn Lạc Dương có hàng phụng chung. Người trong làng ấy phần nhiều bán vật dụng chôn cất người chết cho đến cả quan quách. Thôi Hàm bảo cùng họ rằng: “Nên làm quan (hòm) bằng gỗ bách, chớ dùng gỗ dâu làm nhượng”. Có người hỏi về nguyên do, Thôi Hàm đáp: “Khi tại dưới đất, có người khai phát lính quý, có một con quỷ đối xứng là quan bằng gỗ bách nên miễn khỏi chúa binh, kẻ lại bảo: “Người tuy có quan bằng gỗ bách nhưng mà dùng gỗ dâu làm nhượng”, bèn không miễn khỏi. Ở chốn kinh đô nghe thế, gỗ Bách bỗng nhiên nhảy vọt gia. Có người nghi ngờ là người bán quan đúc lót Thôi Hàm nói lời ấy vậy”.

## 7. CHÙA CAO DƯƠNG VƯƠNG

Chùa Cao Dương Vương là vườn nhà của Cao dương Vương Ung, tại bên cạnh phía Tây Ngự đạo cách 3 dặm ngoài Tân dương môn. Vương Ung vì Nhĩ Chu Vinh làm hại bèn xả thí vườn nhà để làm chùa. Trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, Vương Ung làm Thừa tướng, được cấp xe kiệu Vũ Bảo cổ xúy Hồ phần ban kiếm cả trăm người, cao quý cùng cực trong nhân thần, sang giàu gồm cả núi biển. Ở nơi Đê thất vườn nhà sánh bằng đế cung, Điện trắng hạm sơn, yếu diệu vòng quanh, diêm bay nghiêng nhà, chẳng chịt cùng thông, tôi tớ có 6000 người, kỹ nữ có 500, ngón chân đeo ngọc chiếu ánh như mặt nhật, áo lướt thướt bay theo gió. Từ thời nhà Hán nhà Tấn trở lại, các bậc vương hầu hào gia xa xỉ chưa ai có vậy. Lúc đi ra, Xô kêu Ngự đạo, văn vật thành hàng, nao thổi vọng phát, tiếng kèn lá buồn chuyển, khi vào thì ca phi vũ nữ đánh trúc thổi sênh, tiếng đàn tiếng saó đập đối hòa tấu liền đêm hết ngày. Ở đó, rừng trúc ao cá sánh bằng như Phạm Uyển, cỏ thơm như chất chứa, gỗ quý che râm liền. Vương Ung ưa thích khẩu vị nông hậu, tự phụng dưỡng, mỗi ngày hẳn dùng

cả vài vạn tiền làm hạn định. Các vật ngoạn lành trên đất liền và giữa biển cả, phương trượng ở trước. Trần Lưu Hầu Lý Sùng nói với mọi người rằng: “Cao Dương (Vương Ung) xái dùng một ngày đáng của ta cả ngàn ngày”. Lý Sùng làm thượng thư lệnh nghi đồng Tam ty cũng giàu sang khuynh cả thiên hạ, tôi tớ có cả ngàn người, mà tánh rất cần kiệm rít lậu, mặc áo xấu, ăn cơm thô, thường không có thịt, chỉ có củ cải dưa muối. Khách của Lý Sùng là Lý Nguyên Hựu nói với mọi người rằng: “Lý lệnh công (Lý Sùng) mỗi ngày ăn 18 món”. Có người hỏi về nguyên do. Lý Nguyên Hựu đáp: “hai lần 9 (cửu số 9 - cửu là rau họ) là 18. Mọi người nghe đều cười lớn. Người thời bấy giờ bèn lấy đó mà gièm pha mắng chửi. Sau khi Vương Ung qua đời, các kỹ nữ thấy đều được vào Đạo, hoặc có người đi lấy chồng. Người đẹp Từ Nguyệt Hoa là người khéo giỏi về đàn không hầu, hay làm ca khúc của Minh cơ ra biên ải. Người nghe không ai chẳng đổi thay sắc mặt. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, bèn kết làm vợ lẽ của Vệ Tướng Quân Nguyên Sĩ Khương, Từ Nguyệt Hoa đánh thổi không hầu mà ca, tiếng buồn vút tận vào mây, mọi người đi đường dừng lại lắng nghe bỗng chốc đông thành chợ. Từ Nguyệt Hoa từng nói cùng Nguyên Sĩ Khương rằng: “”Vương (?) có hai Mỹ cơ, một người tên là Tu Dung và một người tên là Diễm Tư đều là mảy ngài răng trắng, dáng mạo sạch đẹp nghiêng thành. Tu Dung cũng rất có tài năm làm Lục Thủy ca ( Bài ca nước biếc), còn Diễm Tư khéo giỏi về múa vũ Hỏa phụng, đều được mến thương nghiêng cả hậu thất, sủng ái hơn hẳn các cơ”. Nguyên Sĩ Khương nghe thế bèn thường bảo Từ Nguyệt Hoa đánh khúc nhạc Lục thủy và Hỏa phụng.

Phía Bắc vườn nhà của Cao Dương Vương Ung có làng Trung Cam, trong làng ấy có Cầu Tử Văn người xứ Dĩnh Xuyên tuổi mới 13, tuy nhỏ bé mà thông minh tài biện, thần tình trội vượt khác lạ, tuy Hoàng Uyển văn cử, không lấy gì làm thêm. Đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời Bắc Ngụy, có Phan Sùng Hòa người xứ Quảng Tông giảng Phục Thị xuân thu tại làng chiêu Nghi ở phía Đông thành. Cầu Tử Văn nhiếp Tề xoay mặt hướng Bắc đến Phan Sùng Hòa để thọ học Đạo. Khi ấy, Triệu Quận Lý Tài hỏi Cầu Tử Văn rằng: “Cầu sinh ở tại xứ nào?” Cầu Tử Văn đáp: “Kẻ tớ ở làng Trung Cam”. Lý Tài lại hỏi: “Vậy sang xứ nào?” Cầu Tử Văn đáp: “Sang phía Nam thành”. Phía Nam thành có Quán Tử Di, Lý Tài bèn lấy đó mà dèm chê Cầu Tử Văn. Cầu Tử Văn đáp rằng: “Nước nhà có chỗ đất Dương Thắng, cơ sao ông lấy làm quái lạ. Nếu nói về sông khe thì y lạc tranh vanh, nói về sự xưa cũ thì Linh

đài bản kinh Đá, nói về vẻ đẹp của Chiêu đề, Báo Đức, Cảnh Minh đều là giàu sang phú quý ở đương thời. Cao Dương Quảng Bình, phong tục của bốn phương, muôn nước ngàn thành. Nếu luận về người và vật thì có tôi mà không ông. Lý Tài không lấy gì để đối đáp lại. Phan Sùng Hòa bảo rằng: “Ông (Cầu Tử Văn) là kẻ sĩ của Đinh Xuyên bén nhọn như chùy (cái dùi), còn kẻ sĩ Yên Triệu chậm lụt như quả cân, tin thật chẳng hư dối vậy”. Mọi người dự học thấy đều cười vang vậy.

## **8. CHÙA SÙNG HƯ**

Chùa Sùng Hư ở tại phía Tây thành, tức các Dực Long của thời nhà Hán vậy. Năm Diên Hy thứ 9 (165) thời Đông Hán, Hoàng Đế, (Lưu Chí 147-168) cúng tế Lão Tử ở Dực Long, vườn nhà trái tùa hoa lọng, dùng nhạc của giao thiên, tức là xứ đất ấy vậy. Lúc mới chuyển dời kinh đô, Cao Tổ (Thác Bạt Hoàn) đem đất ấy cấp cho dân chúng ở. Mọi người đến nghỉ ở phần nhiều trông thấy yêu quái. Do vậy mọi người bỏ đi, bèn dựng lập chùa ấy vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA NAM THÀNH LẠC DƯƠNG QUYỂN 3  
(Hết)

